

## QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế về tuyển sinh, đào tạo, kiểm tra, xét hoàn thành khóa  
đào tạo lái xe ô tô, mô tô

## HIỆU TRƯỞNG

### TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ THUẬT CN HÒA BÌNH

Căn cứ Quyết định số 1888/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2007 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc cho phép thành lập Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp Hòa Bình;

Căn cứ Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2017 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc cho phép đổi tên Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp Hòa Bình thành Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp Hòa Bình.

Căn cứ Thông tư số 14/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về đào tạo lái xe; bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ Quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe;

Căn cứ Giấy phép đào tạo số 3701/GP-SXD ngày 20/6/2025 của Sở Xây dựng cấp cho Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp Hòa Bình;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tuyển sinh, đào tạo, kiểm tra, xét hoàn thành khóa đào tạo lái xe ô tô, mô tô của Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp Hòa Bình.

**Điều 2.** Quy chế về tuyển sinh, đào tạo, kiểm tra, xét hoàn thành khóa đào tạo lái xe ô tô, mô tô này được áp dụng triển khai, thực hiện đối với các khóa đào tạo khai giảng từ 01/9/2025 trở đi.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Phòng Đào tạo, Tổ bộ môn và các phòng ban, bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: ĐT, VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Đình Chiến

**QUY CHẾ**  
**Về tuyển sinh, đào tạo, kiểm tra, xét hoàn thành khóa**  
**đào tạo lái xe ô tô, mô tô**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 164/QĐ-TCHB ngày 28 tháng 8 năm 2025 của  
Hiệu trưởng Trường TC Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp Hòa Bình)*

**Chương 1**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

Quy chế này quy định về tuyển sinh, đào tạo, kiểm tra và xét hoàn thành khóa đào tạo lái xe ô tô, mô tô.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các tổ chức, các nhân thuộc Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp Hòa Bình (gọi tắt là Nhà trường) và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác đào tạo lái xe ô tô, mô tô của Nhà trường.

**Chương 2**  
**QUY ĐỊNH VỀ TUYỂN SINH**

**Điều 3. Các hạng xe được phép tuyển sinh đào tạo**

Thực hiện tuyển sinh theo hạng, quy mô tuyển sinh và lưu lượng đào tạo trong giấy phép đào tạo lái xe, phương án đào tạo lái xe hạng A1 đã được cấp phép.

**Điều 4. Đối tượng, điều kiện được phép học và thi lấy Giấy phép lái xe**

1. Là công dân Việt Nam, người nước ngoài được phép cư trú hoặc đang làm việc, học tập tại Việt Nam.
2. Người học lái xe để nâng hạng giấy phép lái xe phải đáp ứng theo quy định tại khoản 4 Điều 60 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; trong đó, thời gian lái xe an toàn cho từng hạng giấy phép lái xe được quy định cụ thể như sau:
  - Hạng B lên C1, B lên C, C1 lên C, C1 lên D2, C lên D2, D1 lên D2, D1 lên D, D2 lên D: thời gian lái xe an toàn từ 02 năm trở lên;
  - Hạng B lên D2, C lên D: thời gian lái xe an toàn từ 03 năm trở lên;
3. Người đã có giấy phép lái xe hạng B số tự động được đăng ký học để cấp mới giấy phép lái xe hạng B số cơ khí (số sàn), người đã có giấy phép lái xe hạng B được đăng ký học để cấp mới giấy phép lái xe hạng C1 và phải học đủ nội dung chương trình đào tạo lái xe theo quy định, hồ sơ của người học lái xe thực hiện theo quy định;
4. Người có nhu cầu được đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe khi giấy phép lái xe còn hiệu lực, phải có đủ thời gian lái xe an toàn quy định cho từng hạng giấy phép lái xe;
5. Độ tuổi của người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng được quy định như sau:

- a) Người đủ 18 tuổi trở lên được cấp giấy phép lái xe hạng A1, A, B1, B, C1, được cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ để điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ;
- b) Người đủ 21 tuổi trở lên được cấp giấy phép lái xe hạng C, BE;
- c) Người đủ 24 tuổi trở lên được cấp giấy phép lái xe hạng D1, D2, C1E, CE;
- d) Người đủ 27 tuổi trở lên được cấp giấy phép lái xe hạng D, D1E, D2E, DE;
- đ) Tuổi tối đa của người lái xe ô tô chở người (kể cả xe buýt) trên 29 chỗ (không kể chỗ của người lái xe), xe ô tô chở người giường nằm là đủ 57 tuổi đối với nam, đủ 55 tuổi đối với nữ.

### **Điều 5. Hồ sơ của người học lái xe**

1. Người học lái xe lần đầu lập 01 bộ hồ sơ, nộp cho Nhà trường bằng một trong các hình thức: trực tiếp, dịch vụ bưu chính, trên môi trường điện tử. Hồ sơ bao gồm:

- a) Đơn đề nghị học lái xe theo mẫu quy định
- b) Bản sao hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc một trong các giấy tờ sau: thẻ tạm trú, thẻ thường trú, chứng minh thư ngoại giao, chứng minh thư công vụ (đối với người nước ngoài).

2. Người học lái xe nâng hạng lập 01 bộ hồ sơ, nộp cho Nhà trường bằng một trong các hình thức: trực tiếp, dịch vụ bưu chính, trên môi trường điện tử. Hồ sơ bao gồm:

- a) Giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc bằng cấp tương đương trở lên đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe lên các hạng D1, D2 và D (xuất trình bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc);
- c) Bản khai thời gian lái xe an toàn theo mẫu quy định.

### **Điều 6. Hình thức tuyển sinh.**

- Tuyển sinh theo hình thức xét tuyển căn cứ theo lưu lượng được phép đào tạo và tiến độ các khóa đào tạo, không tuyển sinh vượt quá lưu lượng cho phép.

- Người học có nhu cầu học lái xe lần đầu hoặc nâng hạng giấy phép lái xe đến trường làm thủ tục đăng ký khóa học, nộp hồ sơ, ký hợp đồng, đóng học phí theo quy định.

### **Điều 7. Địa điểm tiếp nhận hồ sơ**

1. Phòng Tuyển sinh - Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp Hòa Bình.

*(Xóm Bến Cuối, xã Liên Sơn, tỉnh Phú Thọ)*

### **Điều 8. Quy trình tuyển sinh**

Thực hiện theo các bước sau đây:

1. Trước các kỳ mở lớp đào tạo trong khoảng thời gian 20 ngày Nhà trường thông báo tuyển sinh từng khóa học qua kênh thông tin đại chúng cho cán bộ, giáo

viên, học viên và nhân dân được biết về: các khóa sắp đào tạo, thời gian nhận hồ sơ.

2. Người có nhu cầu học nhận được thông tin đến trường làm thủ tục, nộp hồ sơ, ký hợp đồng. Cán bộ tuyển sinh có trách nhiệm hướng dẫn người học kê khai và nộp đơn đầy đủ, kiểm tra đủ các điều kiện cần thiết về hồ sơ mới.

3. Người học lái xe các hạng B, C1 và học nâng hạng giấy phép lái xe khi đến nhập học phải ký hợp đồng đóng học phí theo quy định của Nhà trường.

4. Nhà trường có trách nhiệm bố trí giáo viên giảng dạy cho học viên được học tập theo đúng tiến độ khóa học như nội dung hợp đồng đã cam kết.

5. Riêng đối với người học lái xe Mô tô hạng A1, A bộ phận tuyển sinh có trách nhiệm thông báo kế hoạch học và thi sát hạch giấy phép lái xe Mô tô hàng tháng cho người học biết. Căn cứ vào đó để nhận hồ sơ và hướng dẫn người học nộp học phí hẹn ngày đến học và ngày dự kiến thi sát hạch.

### **Điều 9. Thời gian đào tạo Khóa học**

1. Đào tạo GPLX hạng A1, A

- Hạng A1: 12 giờ học (lý thuyết: 10 giờ, thực hành: 2 giờ).

- Hạng A: 32 giờ học (lý thuyết: 20 giờ, thực hành: 12 giờ).

- Tổng thời gian khóa đào tạo trong chương trình đào tạo lái xe không quá 10 ngày.

2. Đào tạo GPLX hạng B, C1

- Hạng B học xe chuyên số tự động: 203 giờ (lý thuyết: 136, thực hành lái xe: 67)

+ Tổng thời gian khóa đào tạo trong chương trình đào tạo lái xe không quá 90 ngày.

- Hạng B học xe chuyên số cơ khí (số sàn): 235 giờ (lý thuyết: 152, thực hành lái xe: 83).

+ Tổng thời gian khóa đào tạo trong chương trình đào tạo lái xe không quá 90 ngày.

- Hạng C1: 245 giờ học (lý thuyết: 152, thực hành lái xe: 93).

+ Tổng thời gian khóa đào tạo trong chương trình đào tạo lái xe không quá 90 ngày.

3. Đào tạo nâng hạng GPLX

- Hạng B lên C1: 29 giờ học (lý thuyết: 20, thực hành lái xe: 9).

- Hạng B lên C; C1 lên D2: 57 giờ học (lý thuyết: 40, thực hành lái xe: 17).

- Hạng C1 lên C; D1 lên D2: 29 giờ học (lý thuyết: 20, thực hành lái xe: 9).

- Hạng B lên D2; C lên D: 75 giờ học (lý thuyết: 48, thực hành lái xe: 27).

- Hạng C lên D2; D2 lên D: 38 giờ học (lý thuyết: 24, thực hành lái xe: 14).

- Hạng D1 lên D: 67 giờ học (lý thuyết: 40, thực hành lái xe: 27).

+ Tổng thời gian khóa đào tạo trong chương trình đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe không quá 60 ngày.

### **Điều 10. Hình thức đào tạo**

1. Người có nhu cầu cấp giấy phép lái xe mô tô hạng A1, A:

a) Đối với nội dung học lý thuyết phải học đủ chương trình đào tạo theo quy định và được lựa chọn một trong các hình thức học sau: tự học các môn lý thuyết

theo quy định của Chính phủ về hoạt động đào tạo lái xe hoặc học tập trung tại cơ sở đào tạo lái xe;

b) Đối với nội dung học thực hành lái xe: theo hình thức tập trung tại cơ sở đào tạo lái xe.

2. Người có nhu cầu được đào tạo để cấp giấy phép lái xe các hạng B, C1, C, D2, D:

a) Đối với nội dung học lý thuyết phải học đủ chương trình đào tạo theo quy định và được lựa chọn một trong các hình thức học sau: tập trung tại cơ sở đào tạo lái xe hoặc đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn theo quy định của Chính phủ về hoạt động đào tạo lái xe;

b) Đối với nội dung học thực hành lái xe: theo hình thức tập trung tại cơ sở đào tạo lái xe.

### **Điều 11. Chương trình đào tạo**

- Chương trình đào tạo lái xe các hạng A1, A, B, C1 và đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe các hạng thực hiện theo chương trình đào tạo đã được Nhà trường ban hành dựa trên Thông tư số 14/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

## **CHƯƠNG III CƠ CẤU TỔ CHỨC TUYỂN SINH VÀ CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ**

### **Điều 12. Phòng tuyển sinh**

1. Biên chế: Gồm: 01 Trưởng phòng, 03 nhân viên và các cộng tác viên.

2. Chức năng và nhiệm vụ

a) Chức năng: là bộ phận chuyên trách giúp Hiệu trưởng về công tác tuyển sinh đào tạo lái xe.

b) Nhiệm vụ

- Lập kế hoạch tuyển sinh cho từng khóa học, năm học theo chỉ tiêu quy định.

- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch tuyển sinh cho từng khóa học, năm học;

- Hướng dẫn nghiệp vụ công tác tuyển sinh đối với các cơ quan, đơn vị, cá nhân phối hợp trong công tác tuyển sinh; gửi hồ sơ, hướng dẫn việc đăng ký người học đối với các đơn vị, cá nhân liên kết tuyển sinh;

- Tiếp nhận hồ sơ đăng ký học tập và học phí của học viên, hướng kế hoạch thời gian nhập học và các thủ tục, quy định của nhà trường về công tác đào tạo lái xe;

- Tổng hợp, báo cáo kết quả tuyển sinh của từng khóa học, năm học trình Hiệu trưởng;

- Quản lý hồ sơ nhập học của các học viên và hướng dẫn học viên làm hồ sơ thi cấp GPLX. Riêng phần học phí nộp cho Phòng Tài chính - Kế toán quản lý;

- Đề xuất và triển khai các kế hoạch về thông tin tuyên truyền về công tác tuyển sinh.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác của Nhà trường khi được phân công.

### **Điều 13. Nhiệm vụ của Trưởng phòng và các nhân viên**

### 1. Trưởng phòng

a) Tiêu chuẩn: có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, sử dụng thành thạo vi tính, có kinh nghiệm trong công tác tuyển sinh ít nhất một năm trở lên, có tuổi đời phù hợp với Luật lao động.

#### b) Nhiệm vụ

- Là người chịu trách nhiệm quản lý, điều hành mọi hoạt động của phòng Tuyển sinh. Trưởng phòng tuyển sinh có nhiệm vụ:

- Chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch, đề xuất các biện pháp tổ chức thực hiện công tác tuyển sinh đào tạo lái xe có chất lượng và hiệu quả;

- Phân công công việc cho các nhân viên theo chức trách nhiệm vụ của từng người;

- Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của các nhân viên;

- Chỉ đạo việc tổng hợp báo cáo kết quả tuyển sinh của từng khóa học, năm học;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

### 2. Nhân viên kế hoạch

a) Tiêu chuẩn: có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, sử dụng thành thạo vi tính, có kinh nghiệm trong công tác kế hoạch, có tuổi đời phù hợp với Luật lao động.

#### b) Nhiệm vụ

- Là người chịu trách nhiệm quản lý công tác kế hoạch của phòng tuyển sinh, chịu sự quản lý điều hành công việc của Trưởng phòng. Nhân viên kế hoạch có nhiệm vụ:

- Xây dựng kế hoạch tuyển sinh đào tạo lái xe từng khóa học, năm học theo sự chỉ đạo của Trưởng phòng;

- Soạn thảo các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện kế hoạch tuyển sinh từng khóa học, năm học;

- Soạn thảo các văn bản tổng hợp, báo cáo kết quả công tác tuyển sinh tháng, khóa, năm;

- Tham gia công tác tiếp nhận hồ sơ đăng ký học tập của học viên;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Trưởng phòng.

### 3. Nhân viên quản lý hồ sơ

a) Tiêu chuẩn: có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, sử dụng thành thạo vi tính phục vụ cho công việc, có kinh nghiệm trong công tác hành chính, văn phòng, có tuổi đời phù hợp với Luật lao động.

#### b) Nhiệm vụ:

- Là người chịu trách nhiệm quản lý hồ sơ tuyển sinh của Phòng tuyển sinh, chịu sự quản lý điều hành công việc của Trưởng phòng. Nhân viên quản lý hồ sơ có nhiệm vụ:

- Phổ biến hồ sơ đến các đơn vị, cá nhân tham gia công tác tuyển sinh và đến các đối tượng học viên đăng ký học tập;

- Tiếp nhận hồ sơ học của các cá nhân tham gia tuyển sinh và của các đối tượng học viên đăng ký học; kiểm tra các yêu cầu đầy đủ của hồ sơ, nếu thiếu hoặc chưa đầy đủ phải có trách nhiệm hướng dẫn các cá nhân và học viên bổ sung kịp thời.

- Nghiên cứu các biểu mẫu hồ sơ tuyển sinh của các đơn vị bạn, xây dựng mẫu biểu hồ sơ tuyển sinh của trường mình cho phù hợp;

- Thực hiện việc quản lý hồ sơ tuyển sinh theo chế độ mật của Nhà Trường;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác của phòng theo sự phân công của Trưởng phòng.

#### **Điều 14. Hội đồng tuyển sinh**

a) Hội đồng tuyển sinh có 5 người, gồm: Chủ tịch, Phó chủ tịch, Thư ký và các ủy viên.

- Hiệu trưởng: Chủ tịch hội đồng
- Phó Hiệu trưởng: Phó chủ tịch hội đồng (02 Hiệu phó)
- Trưởng phòng tuyển sinh: Thư ký hội đồng
- Kế toán trưởng: Ủy viên

b) Nhiệm vụ

- Tư vấn giúp Hiệu trưởng về các chủ trương, biện pháp trong công tác tuyển sinh đào tạo lái xe;
- Thẩm định toàn bộ kế hoạch tổ chức tuyển sinh, đề xuất, kiến nghị về các biện pháp nâng cao chất lượng hiệu quả công tác tuyển sinh;
- Hội đồng làm việc định kỳ 3 tháng họp 1 lần, khi cần thiết họp đột xuất. Thành phần họp ngoài các thành viên Hội đồng, khi cần thiết có thể mời thêm các cá nhân, đại diện một số đơn vị có liên quan.

#### **Điều 15. Các đơn vị và cá nhân phối hợp**

1. Công tác tuyển sinh có vai trò hết sức quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của Nhà trường. Do vậy việc liên kết, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, cá nhân trong và ngoài trường tham gia công tác tuyển sinh là hết sức cần thiết bảo đảm cho công tác tuyển sinh có hiệu quả và phát triển bền vững.

2. Thành phần các cơ quan, đơn vị, các cá nhân tham gia công tác tuyển sinh

a) Đơn vị, cá nhân của Trường và Công ty

- Các phòng ban chức năng;
- Đội ngũ giáo viên, cán bộ, công nhân viên, cộng tác viên, trọng tâm là đội ngũ giáo viên dạy lái xe của Nhà trường;

b) Các đơn vị, cá nhân ngoài trường

- Trung tâm dạy nghề và giới thiệu việc làm của các xã trên địa bàn tỉnh.
- Các Công ty thuộc hệ thống.

#### **Điều 16. Quy định về mức thu học phí đào tạo**

- Căn cứ thông tư liên tịch số 72/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27 tháng 5 năm 2011 của Bộ tài chính – Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đào tạo lái xe cơ giới đường bộ;

- Căn cứ vào các quy định hiện hành về việc ban hành mức học phí của Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp Hòa Bình đối với chương trình đào tạo giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

## **CHƯƠNG IV QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO LÁI XE**

#### **Điều 17: Đối với học viên**

- Khi đến trường phải có tác phong gọn gàng, đi giày hoặc dép có quai hậu không được đi dép lê khi tập lái.

- Chấp hành nghiêm các quy định về thời gian học lý thuyết và thực hành, đi học đúng giờ, nghỉ học phải xin phép, không vi phạm pháp luật.
- Học viên được kiểm tra nội dung đào tạo lý thuyết và thực hành tại cơ sở đào tạo lái xe, để được xét hoàn thành khóa đào tạo.
- Đối với các trường hợp học viên đã ký hợp đồng và đóng học phí đầy đủ nhưng không theo học hoặc tự ý bỏ học không có lý do Nhà trường sẽ không có trách nhiệm hoàn trả kinh phí như đã cam kết trong hợp đồng.

### **Điều 18: Đối với giáo viên**

- Các thầy, cô giáo khi lên lớp phải có tác phong sư phạm, mặc gọn gàng lịch sự, không đi dép lê khi giảng dạy, có tinh thần trách nhiệm cao với học viên, không sách nhiễu học viên.
- Soạn giáo án đầy đủ trước khi lên lớp, giáo án phải được duyệt trước khi giảng dạy. Có đề cương bài giảng, chuẩn bị các tài liệu học cụ phục vụ cho bài giảng đầy đủ, không để tình trạng dạy chay, học chay. Thực hiện đúng thời gian giảng dạy theo kế hoạch, trường hợp không lên lớp được vì các lý do khác phải thông báo kịp thời với Nhà trường để bố trí điều động người dạy thay đột xuất, không để tình trạng học viên lên lớp mà không có giáo viên giảng dạy.
- Các giáo viên khi lên lớp dạy phải ghi chép sổ sách chuyên môn đầy đủ, không được để trống các nội dung ghi chép: Các sổ lên lớp, sổ tay giáo viên phải được cập nhật thông tin hàng ngày giảng dạy. Các cán bộ quản lý được giao nhiệm vụ khi đi kiểm tra thường xuyên hoặc đột xuất các giáo viên phải xuất trình đầy đủ sổ sách ghi chép đối với các khóa đang giảng dạy cho cán bộ kiểm tra, nếu không xuất trình được sẽ phải chịu trách nhiệm trước Nhà trường.
- Đối với giáo viên dạy thực hành phải luôn đảm bảo xe hoạt động tốt, an toàn, có đầy đủ giấy tờ của xe tập lái, giấy tờ của giáo viên mới được đưa vào dạy thực hành, học viên khi tập lái trên đường phải đeo phù hiệu tập lái xe. Trường hợp không đủ các điều kiện trên giáo viên không được phép đưa xe vào tập lái, nếu để xảy ra mất an toàn với các lỗi trên giáo viên hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Nhà trường và pháp luật.

### **Điều 19. Đối với cán bộ quản lý và các Phòng, Trung tâm.**

- Thực hiện nhiệm vụ theo chức năng quản lý được phân công, cán bộ quản lý phải nhiệt tình trong công việc, hướng dẫn nghiệp vụ đầy đủ rõ ràng, không cửa quyền hách dịch, luôn có tinh thần giúp đỡ đồng nghiệp và tinh thần phục vụ nhân dân.
- Cán bộ Phòng Đào tạo, Trung tâm sát hạch lái xe thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Hiệu trưởng gồm các công việc từ soạn thảo hợp đồng đào tạo, triển khai kế hoạch đào tạo tới các Phòng, Trung tâm, kiểm tra đánh giá về chất lượng đào tạo, nghiệp vụ giáo viên, kiểm tra công tác quản lý các Phòng, Trung tâm. Tham gia cùng Hội đồng xét điều kiện dự thi kiểm tra, tổ chức thi kiểm tra và xét hoàn thành khóa học cho học viên.
- Cán bộ phòng Tài chính – Kế toán thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Hiệu trưởng giao các công việc thu học phí đào tạo theo hợp đồng, cấp phát kinh phí đào tạo theo kế hoạch và thanh quyết toán trong đào tạo.

- Cán bộ Nhà trường, Trung tâm sát hạch lái xe có trách nhiệm triển khai nhiệm vụ theo kế hoạch tổ chức, dạy học lý thuyết và thực hành, phân công giáo viên giảng dạy, quản lý học viên và giáo viên tại Nhà trường mình quản lý.

## **CHƯƠNG V**

### **KIỂM TRA, XÉT HOÀN THÀNH KHÓA ĐÀO TẠO**

#### **Điều 20. Kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ**

##### **1. Kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ**

a) Kiểm tra đánh giá thường xuyên được thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học của học viên theo từng môn học, mô-đun cụ thể thông qua việc chấm điểm kiểm tra trong giờ học.

b) Kiểm tra đánh giá định kỳ được thực hiện tại thời điểm được quy định trong đề cương chi tiết của môn học, mô-đun, thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác.

##### **2. Cách thức thực hiện kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ**

- Kiểm tra đánh giá quá trình học do giáo viên giảng dạy môn học, mô-đun, thực hiện theo những yêu cầu sau:

+ Nội dung kiểm tra là những nội dung được quy định trong môn học, mô-đun đào tạo đã giảng dạy cho học viên;

+ Nội dung cụ thể và hình thức kiểm tra thường xuyên do giáo viên tự quyết định;

#### **Điều 21. Điều kiện dự kiểm tra và nội dung kiểm tra hoàn thành khóa đào tạo**

1. Điều kiện dự kiểm tra hoàn thành khóa đào tạo: Người học được dự kiểm tra hoàn thành khóa đào tạo khi có đủ điều kiện sau:

a) Đối với nội dung đào tạo lý thuyết.

- Người học tham dự tối thiểu 70% thời gian học nội dung đào tạo lý thuyết.

b) Đối với nội dung đào tạo thực hành lái xe.

- Học đủ thời gian và tối thiểu 50% số km học thực hành lái xe trên sân tập lái; học đủ số km và tối thiểu 50% thời gian học thực hành lái xe trên đường.

- Số km thực hành trên đường giao thông phải đảm bảo tối thiểu như sau:

+ Hạng B số tự động-đảm bảo tối thiểu 710 km

+ Hạng B số cơ khí-đảm bảo tối thiểu 810 km

+ Hạng C1 đảm bảo tối thiểu 825 km

+ Hạng B lên C1; C1 lên C đảm bảo tối thiểu 120 km

+ Hạng B lên C; C1 lên D2 đảm bảo tối thiểu 240 km

+ Hạng B lên D2; C lên D đảm bảo tối thiểu 380 km

+ Hạng C lên D2 đảm bảo tối thiểu 190 km

+ Hạng D1 lên D2 đảm bảo tối thiểu 105 km

+ Hạng D1 lên D đảm bảo tối thiểu 340 km

+ Hạng D2 lên D đảm bảo tối thiểu 164 km

2. Nội dung kiểm tra.

Kiểm tra nội dung đào tạo lý thuyết và thực hành để xét hoàn thành khóa đào tạo, gồm:

a) Kiểm tra khi kết thúc nội dung đào tạo lý thuyết theo bộ câu hỏi sát hạch lý thuyết và mô phỏng các tình huống giao thông do Bộ Công an ban hành;

b) Kiểm tra khi kết thúc nội dung đào tạo thực hành lái xe gồm các bài liên hoàn, bài tiến lùi hình chữ chi và lái xe trên đường;

c) Điểm đánh giá kết quả học tập nội dung đào tạo lý thuyết và thực hành của học viên:

- Đối với nội dung kiểm tra theo bộ câu hỏi sát hạch lý thuyết, mô phỏng các tình huống giao thông, các bài liên hoàn và lái xe trên đường được đánh giá theo quy trình sát hạch lái xe do Bộ Công an ban hành;

- Đối với bài kiểm tra tiến lùi theo hình chữ chi được đánh giá theo thang điểm 10 (từ 1 đến 10), có tính đến hàng thập phân 1 con số;

d) Xét hoàn thành khóa đào tạo: người học lái xe có điểm kiểm tra theo bộ câu hỏi sát hạch lý thuyết, mô phỏng các tình huống giao thông, các bài liên hoàn và lái xe trên đường đạt yêu cầu với hạng tương ứng theo quy trình sát hạch lái xe của Bộ Công an ban hành; bài kiểm tra tiến lùi chữ chi đạt từ 5,0 điểm trở lên.

- Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

\*) *Quá thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày cơ sở đào tạo lái xe tổ chức xét hoàn thành khóa đào tạo lần đầu mà học viên không đủ điều kiện để được xét hoàn thành khóa đào tạo thì học viên phải tham gia đào tạo lại theo khóa đào tạo mới.*

*(Có quy trình kiểm tra và cách quy đổi điểm kèm theo)*

## **Điều 22. Hội đồng kiểm tra và xét hoàn thành khóa đào tạo**

1. Hội đồng kiểm tra và xét hoàn thành khóa đào tạo do người đứng đầu cơ sở đào tạo thành lập (sau đây gọi tắt là Hội đồng). Hội đồng có 03 (ba) hoặc 05 (năm) thành viên, do một lãnh đạo cơ sở đào tạo làm chủ tịch, trưởng bộ phận hoặc cán bộ phụ trách đào tạo làm thư ký; trưởng các đơn vị hoặc cán bộ phụ trách các lĩnh vực hoạt động của cơ sở đào tạo và giáo viên chủ nhiệm lớp làm thành viên.

2. Nhiệm vụ của Hội đồng:

a) Thông qua danh sách người học đủ điều kiện kiểm tra kết thúc khóa học.

b) Tổ chức thực hiện kiểm tra kết thúc khóa học.

c) Thông qua danh sách người học đủ điều kiện xét hoàn thành khóa đào tạo, người học chưa đủ điều kiện xét hoàn thành khóa đào tạo.

d) Hội đồng xét hoàn thành khóa đào tạo và có văn bản đề nghị với người đứng đầu cơ sở đào tạo công nhận hoàn thành khóa đào tạo đối với người học.

## **Chương VI**

### **KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 23. Kiểm tra, giám sát các hoạt động kiểm tra và xét hoàn thành khóa học**

Ban Giám hiệu, Hội đồng kiểm tra, phòng Đào tạo có trách nhiệm kiểm tra giám sát các hoạt động kiểm tra và xét hoàn thành khóa học cho học viên theo đúng Quy chế này.



Phú Thọ, ngày 28 tháng 8 năm 2025

## QUY TRÌNH THI, KIỂM TRA VÀ CÁCH QUY ĐỔI ĐIỂM TRONG THI, KIỂM TRA HOÀN THÀNH KHÓA HỌC LÁI XE Ô TÔ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 164./QĐ-TCHB, ngày 28/8/2025 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp Hòa Bình)

Để việc tổ chức thi, kiểm tra hoàn thành khóa đào tạo lái xe ô tô đúng theo quy định. Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp Hòa Bình xây dựng quy trình thi, kiểm tra hoàn thành khóa đào tạo lái xe ô tô và cách quy đổi điểm trong thi, kiểm tra như sau:

### QUY TRÌNH THI, KIỂM TRA VÀ CÁCH QUY ĐỔI ĐIỂM

#### A. THI LÝ THUYẾT

**I. Đối với cán bộ coi thi:** Có tối thiểu 02 cán bộ làm nhiệm vụ; trong đó, 01 cán bộ làm việc tại phòng thi lý thuyết và 01 cán bộ làm nhiệm vụ tại khu vực kiểm tra nhận dạng.

2. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự thi; tiếp nhận, kiểm tra và điều hành hệ thống máy tính, máy in tại phòng thi lý thuyết.

3. Gọi thí sinh theo danh sách; kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc căn cước hoặc hộ chiếu; ký xác nhận tại phần kết quả thi lý thuyết trong biên bản kết quả thi lý thuyết của thí sinh; sắp xếp máy tính cho thí sinh.

4. Kiểm tra, đối chiếu tên, ảnh của thí sinh trên màn hình máy tính với số báo danh, danh sách thi, hồ sơ thí sinh và phát lệnh bắt đầu thi.

5. Yêu cầu thí sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế thi. Giám sát quá trình thi: không để người không có nhiệm vụ vào phòng thi lý thuyết; không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông liên lạc bằng hình ảnh, âm thanh vào phòng thi lý thuyết; không để thí sinh trao đổi, sử dụng tài liệu. Lập biên bản xử lý thí sinh vi phạm và báo cáo Chủ tịch hội đồng thi trong trường hợp thí sinh cố tình vi phạm.

6. Theo dõi, kiểm tra hoạt động của hệ thống máy tính; trường hợp hư hỏng hoặc lỗi kỹ thuật thì yêu cầu kỹ thuật viên vào kiểm tra, xử lý.

#### II. Đối với người dự thi

1. Tiếp nhận máy tính: nhập số báo danh dự thi.

2. Thực hiện nội dung thi

2.1. Đề thi có số lượng câu hỏi và thời gian làm bài như sau:

Nội dung	Hạng B	Hạng C1	Hạng C	Hạng D2, D
Số câu hỏi trắc nghiệm	30	35	40	45
Thời gian làm bài (phút)	20	22	24	26

2.2. Mỗi câu hỏi được tính 01 điểm và mỗi đề thi có 01 câu hỏi nếu lựa chọn đáp án sai được tính là điểm liệt; mỗi câu có từ 02 đến 04 ý trả lời, thí sinh đọc đề bài và lựa chọn ra đáp án đúng nhất. Trường hợp bị điểm liệt trong bài thi thì không đạt nội dung thi Lý thuyết.

2.3. Khi hoàn thành bài thi hoặc hết thời gian làm bài theo quy định tại điểm 2.1 khoản này, tất cả các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tính tự động chấm điểm và lưu lại trong máy chủ.

### III. Công nhận kết quả:

Nội dung	Hạng B	Hạng C1	Hạng C	Hạng D2, D
Thang điểm	30	35	40	45
Điểm đạt tối thiểu	27	32	36	41

3.1. Thí sinh ký xác nhận vào biên bản thi lý thuyết được in ra

3.2. Cán bộ coi thi ký xác nhận vào biên bản thi lý thuyết được in ra.

## B. THI MÔ PHỎNG CÁC TÌNH HUỐNG GIAO THÔNG TRÊN MÁY TÍNH

**I. Đối với cán bộ coi thi:** có tối thiểu 02 cán bộ làm nhiệm vụ; trong đó, 01 cán bộ làm việc tại phòng thi mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính và 01 cán bộ làm nhiệm vụ tại khu vực kiểm tra nhận dạng.

1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự thi; tiếp nhận và điều hành hệ thống máy tính, máy in tại phòng thi mô phỏng các tình huống giao thông.

2. Gọi thí sinh theo danh sách; kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc căn cước hoặc hộ chiếu, sắp xếp máy tính cho thí sinh.

3. Kiểm tra, đối chiếu tên, ảnh của thí sinh trên màn hình máy tính với số báo danh, danh sách thi, hồ sơ thí sinh và phát lệnh bắt đầu thi.

4. Yêu cầu thí sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế thi. Giám sát quá trình thi: không để người không có nhiệm vụ vào phòng thi; không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông liên lạc bằng hình ảnh, âm thanh vào phòng thi; không để thí sinh trao đổi, sử dụng tài liệu. Lập biên bản xử lý thí sinh vi phạm và báo cáo Chủ tịch hội đồng thi trong trường hợp thí sinh cố tình vi phạm.

5. Theo dõi, kiểm tra hoạt động của hệ thống máy tính; trường hợp hư hỏng hoặc lỗi kỹ thuật thì yêu cầu kỹ thuật viên vào kiểm tra, xử lý theo quy định.

### II. Đối với người dự thi

1. Tiếp nhận máy tính: nhập số báo danh dự thi.

2. Thực hiện nội dung thi

2.1. Thời gian làm bài thi: không quá 10 phút.

2.2. Đề thi được thiết kế dưới dạng 10 câu hỏi mô phỏng các tình huống giao thông; mỗi câu hỏi trong đề thi mô phỏng các tình huống giao thông chứa 01 tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông. Mỗi câu hỏi có số điểm tối đa là 5 điểm và số điểm tối thiểu là 0 điểm.

2.3. Số điểm đạt được của thí sinh tương ứng với thời điểm thí sinh nhận biết và xác định tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông thông qua việc tương tác với máy tính có cài đặt phần mềm sát hạch mô phỏng. Điểm tối đa khi

thí sinh nhận biết và tương tác với máy tính đúng thời điểm xuất hiện tình huống mất an toàn giao thông; điểm tối thiểu khi thí sinh nhận biết và tương tác với máy tính trước khi xuất hiện tình huống mất an toàn giao thông hoặc không tương tác hoặc tương tác từ thời điểm xảy ra tình huống mất an toàn giao thông.

2.4. Các tình huống mô phỏng được chạy liên tiếp tự động, thí sinh không được lựa chọn lại đáp án cho các câu hỏi đã trả lời hoặc chưa trả lời. Khi hoàn thành bài thi mô phỏng hoặc hết thời gian của câu hỏi cuối cùng, toàn bộ các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tự động chấm điểm, in ra và lưu trữ tại máy chủ.

### III. Công nhận kết quả

#### 1. Điểm đạt yêu cầu

Nội dung	Hạng B, C1, C, D2, D
Thang điểm	50
Điểm đạt tối thiểu	35

2. Thí sinh ký xác nhận vào bài thi mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính được in ra.

3. Cán bộ coi thi ký xác nhận vào bài thi mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính được in ra.

### C. QUY TRÌNH THI BÀI THI LIÊN HOÀN

#### 1. Thi, kiểm tra các bài thi liên hoàn

- Trên ô tô thi bố trí 01 giáo viên chấm thi để thực hiện các nhiệm vụ sau:
- + Theo dõi tình trạng kỹ thuật của ô tô để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật.
- + Bảo hiểm tay lái cho thí sinh trong quá trình thực hiện bài thi.
- + Theo dõi quá trình thực hiện bài thi của thí sinh để ghi các lỗi vi phạm của thí sinh.

1.1. Đối với thí sinh dự thi lái xe hạng B chuyên số tự động, B số cơ khí: thực hiện liên hoàn 11 bài thi lái xe trong hình gồm:

- Bài thi số 1: xuất phát;
- Bài thi số 2: dừng xe nhường đường cho người đi bộ;
- Bài thi số 3: dừng và khởi hành xe ngang dốc;
- Bài thi số 4: qua vệt bánh xe và đường vòng vuông góc;
- Bài thi số 5: qua ngã tư có tín hiệu điều khiển giao thông;
- Bài thi số 6: qua đường vòng quanh co;
- Bài thi số 7: ghép xe dọc vào nơi đỗ;
- Bài thi số 8: ghép xe ngang vào nơi đỗ;
- Bài thi số 9: tạm dừng ở chỗ có đường sắt chạy qua;
- Bài thi số 10: thay đổi số trên đường bằng;
- Bài thi số 11: kết thúc.

1.2. Đối với thí sinh dự thi lái xe hạng C1, C, D2 và D: thực hiện liên hoàn 10 bài thi lái xe trong hình gồm:

- Bài thi số 1: xuất phát;
- Bài thi số 2: dừng xe nhường đường cho người đi bộ;

18  
TRU  
UN  
H TẾ  
ÔN  
HC  
S

- Bài thi số 3: dừng và khởi hành xe ngang dốc;
- Bài thi số 4: qua vệt bánh xe và đường vòng vuông góc;
- Bài thi số 5: qua ngã tư có tín hiệu điều khiển giao thông;
- Bài thi số 6: qua đường vòng quanh co;
- Bài thi số 7: ghép xe vào nơi đỗ (ghép dọc đối với hạng C1 và ghép ngang đối với hạng C, D2 và D);
- Bài thi số 8: tạm dừng ở chỗ có đường sắt chạy qua;
- Bài thi số 9: thay đổi số trên đường bằng;
- Bài thi số 10: kết thúc.

1.3. Trong quá trình thi, thí sinh phải thực hiện đúng trình tự; chấp hành quy tắc giao thông đường bộ; giữ động cơ hoạt động liên tục; tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút; tốc độ xe chạy (trừ bài thay đổi số trên đường bằng) không quá 20 km/h đối với xe hạng C1, C, D, không quá 24 km/h đối với xe hạng B, D2; nếu không thực hiện được sẽ bị trừ điểm theo quy định;

1.4. Trong sân thi, ngoài khu vực các bài thi, thí sinh sẽ gặp tình huống nguy hiểm theo lệnh báo của giáo viên chấm thi nếu không phanh dừng xe trong thời gian 3 giây bị trừ 10 điểm; nếu không ấn nút để bật tín hiệu nguy hiểm trên xe trong thời gian 5 giây bị trừ 10 điểm; khi giáo viên báo hết tín hiệu tình huống nguy hiểm, nếu không ấn nút tắt tín hiệu nguy hiểm trên xe trước khi đi tiếp bị trừ 10 điểm; nếu không thực hiện được các thao tác trên bị trừ 10 điểm.

1.5. Thời gian thực hiện bài thi thực hành lái xe trong hình: 18 phút đối với hạng B; 15 phút đối với các hạng D2; 20 phút đối với các hạng C1, C và D.

1.6. Yêu cầu đối với các bài thi lái xe trong hình

a) Bài: Xuất phát

Các bước thực hiện	Các lỗi bị trừ điểm
1. Thí sinh thắt dây an toàn, dừng xe trước vạch xuất phát, chờ hiệu lệnh;	1. Không thắt dây an toàn, bị trừ 05 điểm;
2. Khi có lệnh xuất phát, bật đèn xi nhan trái, lái xe xuất phát;	2. Không bật đèn xi nhan trái khi xuất phát, bị trừ 05 điểm;
3. Tắt xi nhan trái ở khoảng cách 5 mét sau vạch xuất phát;	3. Không tắt đèn xi nhan trái ở khoảng cách 05 mét sau vạch xuất phát, bị trừ 05 điểm;
4. Lái xe đến bài thi tiếp theo.	4. Không bật và tắt đèn xi nhan trái kịp thời bị trừ 05 điểm;
	5. Quá 20 giây kể từ khi có lệnh xuất phát không đi qua vạch xuất phát, bị trừ 05 điểm;
	6. Quá 30 giây kể từ khi có lệnh xuất phát không đi qua vạch xuất phát, bị đình chỉ thi;
	7. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ thi;
	8. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ thi;
	9. Lái xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;
	10. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;
	11. Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 3 giây bị trừ 01 điểm

b) Bài: Dừng xe nhường đường cho người đi bộ

Các bước thực hiện	Các lỗi bị trừ điểm
<p>1. Dừng xe để khoảng cách từ hình chiếu thanh cản phía trước của xe xuống mặt đường đến vạch dừng (khoảng cách A) không quá 500mm;</p> <p>2. Lái xe đến bài thi tiếp theo.</p>	<p>1. Không dừng xe ở vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm;</p> <p>2. Dừng xe chưa đến vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm;</p> <p>3. Dừng xe quá vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm.</p> <p>4. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ thi;</p> <p>5. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ thi;</p> <p>6. Lái xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>7. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 5 điểm;</p> <p>8. Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 3 giây bị trừ 01 điểm.</p> <p>9. Tổng thời gian đến bài thi đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm;</p>

c) Bài: Dừng và khởi hành xe ngang dốc

Các bước thực hiện	Các lỗi bị trừ điểm
<p>1. Dừng xe để khoảng cách từ hình chiếu thanh cản phía trước của xe xuống mặt đường đến vạch dừng (khoảng cách A) không quá 500mm;</p> <p>2. Khởi hành lên dốc nhẹ nhàng, không bị tụt dốc, bảo đảm thời gian quy định;</p> <p>3. Lái xe đến bài thi tiếp theo.</p>	<p>1. Không dừng xe ở vạch dừng quy định, bị đình chỉ thi;</p> <p>2. Dừng xe chưa đến vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm;</p> <p>3. Dừng xe quá vạch dừng quy định, bị đình chỉ thi;</p> <p>4. Quá thời gian 30 giây kể từ khi dừng xe không khởi hành xe qua vạch dừng, bị đình chỉ thi;</p> <p>5. Xe bị tụt dốc quá 500 mm kể từ khi dừng xe, bị đình chỉ thi;</p> <p>6. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, đình chỉ thi;</p> <p>7. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>8. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>9. Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm.</p> <p>10. Tổng thời gian đến bài thi đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm.</p>

d) Bài: Qua vệt bánh xe và đường vòng vuông góc

Các bước thực hiện	Các lỗi bị trừ điểm
<p>1. Lái xe để bánh xe trước và bánh xe sau bên lái phụ qua vùng giới hạn của hình vệt bánh xe;</p>	<p>1. Đi không đúng hình của hạng xe thi, bị đình chỉ thi;</p> <p>2. Bánh xe trước và bánh xe sau bên lái phụ không qua vùng giới hạn của hình vệt bánh xe, bị đình chỉ thi;</p> <p>3. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình thi, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p>

<p>2. Lái xe qua đường vòng vuông góc trong vùng giới hạn của hình sát hạch trong thời gian 2 phút;</p> <p>3. Lái xe đến bài thi tiếp theo.</p>	<p>4. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình thi, cứ quá 05 giây, bị trừ 05 điểm;</p> <p>5. Thời gian thực hiện bài thi, cứ quá 02 phút, bị trừ 05 điểm.</p> <p>6. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ thi;</p> <p>7. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ thi;</p> <p>8. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>9. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>10. Xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm.</p> <p>11. Tổng thời gian đến bài thi đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm.</p>
---	--

đ) Bài: Qua ngã tư có tín hiệu điều khiển giao thông

Các bước thực hiện	Các lỗi bị trừ điểm
<p>1. Chấp hành theo tín hiệu đèn điều khiển giao thông:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đèn tín hiệu màu đỏ phải dừng lại;</li> <li>- Đèn tín hiệu màu xanh hoặc vàng được phép đi.</li> </ul> <p>2. Dừng xe để khoảng cách từ hình chiếu thanh cản phía trước của xe xuống mặt đường đến vạch dừng (khoảng cách A) không quá 500mm;</p> <p>3. Bật đèn xi nhan trái khi qua ngã tư rẽ trái;</p> <p>4. Bật đèn xi nhan phải khi qua ngã tư rẽ phải;</p> <p>5. Lái xe qua ngã tư trong thời gian quy định;</p> <p>6. Lái xe qua ngã tư không vi phạm vạch kẻ đường;</p> <p>7. Lái xe đến bài thi tiếp theo.</p>	<p>1. Vi phạm tín hiệu đèn điều khiển giao thông bị trừ 10 điểm;</p> <p>2. Dừng xe quá vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm;</p> <p>3. Dừng xe chưa đến vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm;</p> <p>4. Không bật đèn xi nhan khi rẽ trái hoặc rẽ phải, bị trừ 05 điểm;</p> <p>5. Quá 20 giây từ khi đèn tín hiệu màu xanh bật sáng không lái xe qua được vạch kết thúc ngã tư, bị trừ 05 điểm;</p> <p>6. Quá 30 giây từ khi đèn tín hiệu màu xanh bật sáng không lái xe qua được vạch kết thúc ngã tư, bị đình chỉ thi;</p> <p>7. Lái xe vi phạm vạch kẻ đường bị đình chỉ thi.</p> <p>8. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ thi;</p> <p>9. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ thi;</p> <p>10. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>11. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>12. Xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm.</p> <p>13. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm.</p>

e) Bài: Qua đường vòng quanh co



Các bước thực hiện	Các lỗi bị trừ điểm
1. Lái xe qua đường vòng quanh co trong vùng giới hạn của hình sát hạch trong thời gian 2 phút; 2. Lái xe đến bài thi tiếp theo.	1. Đi không đúng hình của hạng xe thi, bị đình chỉ thi; 2. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình thi, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 3. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình thi, cứ quá 05 giây bị trừ 05 điểm; 4. Thời gian thực hiện bài thi, cứ quá 02 phút, bị trừ 05 điểm. 5. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ thi; 6. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ thi; 7. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 8. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 9. Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm. 10. Tổng thời gian đến bài thi đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm.

g) Bài: Ghép xe vào nơi đỗ

Các bước thực hiện	Các lỗi bị trừ điểm
1. Lái xe tiến vào khoảng cách không chế để lùi vào nơi ghép xe dọc (đối với xe hạng B, C1) hoặc khu vực để ghép xe ngang (đối với xe hạng B, C, D2, D); 2. Lùi để ghép xe vào nơi đỗ; 3. Dừng xe ở vị trí đỗ quy định; 4. Lái xe đến bài thi tiếp theo.	1. Đi không đúng hình của hạng xe thi, bị đình chỉ thi; 2. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình thi, mỗi lần bị trừ 5 điểm; 3. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình, cứ quá 05 giây bị trừ 05 điểm; 4. Ghép xe không đúng vị trí quy định (toàn bộ thân xe nằm trong khu vực ghép xe nhưng xe bị chéo, bị trừ 05 điểm); 5. Chưa ghép được xe vào nơi đỗ (khi kết thúc bài thi, còn một phần thân xe nằm ngoài khu vực ghép xe), bị đình chỉ thi; 6. Thời gian thực hiện bài thi, cứ quá 02 phút, bị trừ 05 điểm. 7. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ thi; 8. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ thi; 9. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 10. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 11. Xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm. 12. Tổng thời gian đến bài thi đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm.

h) Bài: Tạm dừng ở chỗ có đường sắt chạy qua

Các bước thực hiện	Các lỗi bị trừ điểm
<p>1. Dừng xe để khoảng cách từ hình chiếu thanh cản phía trước của xe xuống mặt đường đến vạch dừng (Khoảng cách A) không quá 500mm;</p> <p>2. Lái xe đến bài thi tiếp theo.</p>	<p>1. Không dừng xe ở vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm;</p> <p>2. Dừng xe chưa đến vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm;</p> <p>3. Dừng xe quá vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm.</p> <p>4. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ thi;</p> <p>5. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ thi;</p> <p>6. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>7. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>8. Xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm.</p> <p>9. Tổng thời gian đến bài thi đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm</p>

k) Bài: Thay đổi số trên đường bằng

Các bước thực hiện	Các lỗi bị trừ điểm
<p>1. Trên quãng đường 25m kể từ khi bắt đầu vào bài thi, phải thay đổi số và tốc độ như sau:</p> <p>a) Đối với xe hạng B: từ số 1 lên số 2 và trên 24km/h;</p> <p>b) Đối với xe hạng D2: từ số 2 lên số 3 và trên 24km/h;</p> <p>c) Đối với xe hạng C1, C, D: từ số 2 lên số 3 và trên 20km/h;</p> <p>2. Trên quãng đường 25m còn lại của bài thi phải thay đổi số và tốc độ ngược lại.</p> <p>3. Lái xe đến bài thi tiếp theo.</p>	<p>1. Không thay đổi số theo quy định, bị trừ 05 điểm;</p> <p>2. Không thay đổi tốc độ theo quy định, bị trừ 05 điểm;</p> <p>3. Không thay đổi đúng số và đúng tốc độ quy định, bị trừ 05 điểm;</p> <p>4. Thời gian thực hiện bài thi, cứ quá 02 phút, bị trừ 05 điểm.</p> <p>5. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ thi;</p> <p>6. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ thi;</p> <p>7. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>8. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>9. Tổng thời gian đến bài thi đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm.</p>

l) Bài: Kết thúc

Các bước thực hiện	Các lỗi bị trừ điểm
<p>1. Bật đèn xi nhan phải khi xe qua vạch kết thúc;</p> <p>2. Lái xe qua vạch kết</p>	<p>1. Không qua vạch kết thúc, bị đình chỉ thi;</p> <p>2. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ thi;</p> <p>3. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ thi;</p>

thúc và dừng xe.	<p>4. Khi xe qua vạch kết thúc:</p> <p>a) Không bật đèn xi nhan phải, bị trừ 05 điểm;</p> <p>b) Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>c) Tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>d) Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm.</p> <p>đ) Tổng thời gian thực hiện các bài sát hạch quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm;</p>
------------------	--

#### 1.7. Công nhận kết quả:

Nội dung	Hạng B	Hạng D2	Hạng C1, C, D
Thang điểm	100	100	100
Điểm đạt tối thiểu	80	80	80

- Thí sinh ký xác nhận vào biên bản thi thực hành lái xe trong hình.
- Giáo viên chấm thi ký xác nhận vào biên bản thi thực hành lái xe trong hình.

### **D. QUY TRÌNH THI THỰC HÀNH LÁI XE TRÊN ĐƯỜNG**

#### 1. Đối với giáo viên chấm thi

- 1.1. Tiếp nhận hồ sơ thí sinh dự thi;
- 1.2. Gọi thí sinh; sắp xếp xe thi cho thí sinh; đối chiếu căn cước công dân hoặc căn cước hoặc hộ chiếu với thí sinh;
- 1.3. Ngồi cạnh thí sinh để thực hiện các công việc
  - a) Quan sát tình trạng giao thông trên đường để phát lệnh thi, ra các hiệu lệnh để thí sinh thực hiện;
  - b) Bảo hiểm tay lái cho thí sinh trong quá trình thực hiện bài thi;
  - c) Theo dõi tình trạng kỹ thuật của ô tô thi để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật;
  - d) Theo dõi quá trình thực hiện bài thi của thí sinh để ghi các lỗi vi phạm của thí sinh khi:
    - Xe bị rung giật mạnh;
    - Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ;
    - Không thực hiện theo hiệu lệnh của giáo viên chấm thi
    - Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn;
    - Khi tăng hoặc giảm số, xe bị choạng lái quá làn đường quy định.

#### 2. Đối với người dự thi

- 2.1. Tiếp nhận xe thi được giao;
- 2.2. Thực hiện bài thi lái xe trên đường giao thông công cộng, dài tối thiểu 02 km, có đủ tình huống theo quy định;
  - 2.2.1. Trình tự thực hiện và yêu cầu chung thí sinh thực hiện tối thiểu 04 bài thi lái xe trên đường, gồm:
    - a) Bài thi: xuất phát;
    - b) Bài thi: tăng số, tăng tốc độ;
    - c) Bài thi: giảm số, giảm tốc độ;

d) Bài thi: kết thúc. Trên quãng đường thi, bài thi "tăng số, tăng tốc độ", "giảm số, giảm tốc độ" có thể thực hiện nhiều lần, không theo thứ tự.

3. Yêu cầu đối với các bài thi lái xe trên đường.

a) Bài: xuất phát

Các bước thực hiện	Các lỗi bị trừ điểm
1. Thí sinh thắt dây an toàn, dừng xe trước vạch xuất phát, chờ hiệu lệnh; 2. Khi có lệnh xuất phát, bật đèn xi nhan trái, lái xe qua vạch xuất phát; 3. Nhả phanh tay trước khi khởi hành; 4. Điều khiển tăng số từ số 1 lên số 3 và lái xe đến bài thi tiếp theo	1. Không thắt dây an toàn, bị trừ 05 điểm; 2. Không bật đèn xi nhan trái khi xuất phát, bị trừ 05 điểm; 3. Không nhả hết phanh tay khi khởi hành, bị trừ 05 điểm; 4. Trong khoảng 15 m không tăng từ số 1 lên số 3, bị trừ 05 điểm; 5. Quá 30 giây kể từ khi có lệnh xuất phát, chưa khởi hành xe qua vị trí xuất phát, bị đình chỉ thi; 6. Xe bị rung giật mạnh, bị trừ 05 điểm; 7. Lái xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 8. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 9. Sử dụng từ tay số 3 trở lên khi tốc độ xe chạy dưới 20 km/h, cứ 03 giây trừ 02 điểm; 10. Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, bị trừ 10 điểm; 11. Không thực hiện theo hiệu lệnh của giáo viên chấm thi, bị đình chỉ thi; 12. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ thi; 13. Khi tăng hoặc giảm số, xe bị choạng lái quá làn đường quy định, bị đình chỉ thi;

b) Bài: tăng số, tăng tốc độ

Các bước thực hiện	Các lỗi bị trừ điểm
1. Thí sinh thực hiện các thao tác để tăng số, tăng tốc độ; 2. Điều khiển xe đến bài thi tiếp theo.	1. Trong khoảng 100 m không tăng được số, tốc độ bị trừ 05 điểm; 2. Xe bị rung giật mạnh, bị trừ 05 điểm; 3. Lái xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 4. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 5. Sử dụng từ tay số 3 trở lên khi tốc độ xe chạy dưới 20 km/h, cứ 03 giây trừ 02 điểm; 6. Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, bị trừ 10 điểm; 7. Không thực hiện theo hiệu lệnh của giáo viên chấm thi, bị đình chỉ thi; 8. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ thi;

	9. Khi tăng hoặc giảm số, xe bị choạng lái quá làn đường quy định, bị đình chỉ thi;
--	---

c) Bài: giảm số, giảm tốc độ

Các bước thực hiện	Các lỗi bị trừ điểm
1. Thí sinh thực hiện các thao tác để giảm số, giảm tốc độ; 2. Điều khiển xe đến bài thi tiếp theo.	1. Trong khoảng 100 m không giảm được số, tốc độ, bị trừ 05 điểm; 2. Xe bị rung giật mạnh, bị trừ 05 điểm; 3. Lái xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 4. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 5. Sử dụng từ tay số 3 trở lên khi tốc độ xe chạy dưới 20 km/h, cứ 03 giây trừ 02 điểm; 6. Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, bị trừ 10 điểm; 7. Không thực hiện theo hiệu lệnh của giáo viên chấm thi, bị đình chỉ thi; 8. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ thi; 9. Khi tăng hoặc giảm số, xe bị choạng lái quá làn đường quy định, bị đình chỉ thi;

d) Bài: kết thúc

Các bước thực hiện	Các lỗi bị trừ điểm
1. Khi có lệnh kết thúc, bật đèn xi nhan phải, lái xe sát lề đường bên phải; 2. Dừng xe; 3. Giảm hết số khi dừng xe 4. Kéo phanh tay khi xe dừng hẳn.	1. Không bật đèn xi nhan phải, bị trừ 05 điểm; 2. Khi xe dừng hẳn, không về được số "không" (đối với xe số sàn), số "P" (đối với xe chuyển số tự động (bao gồm cả xe ô tô điện)), bị trừ 05 điểm; 3. Không kéo phanh tay khi xe dừng hẳn, bị trừ 05 điểm; 4. Xe bị rung giật mạnh, bị trừ 05 điểm; 5. Lái xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 6. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm; 7. Sử dụng từ tay số 3 trở lên khi tốc độ xe chạy dưới 20 km/h, cứ 03 giây trừ 02 điểm; 8. Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, bị trừ 10 điểm; 9. Không thực hiện theo hiệu lệnh của giáo viên chấm thi, bị đình chỉ thi; 10. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ thi; 11. Khi tăng hoặc giảm số, xe bị choạng lái quá làn đường quy định, bị đình chỉ thi.

18  
RƯ  
IN  
TẾ  
NG  
HỒ  
SC

#### 4. Công nhận kết quả:

4.1. Thang điểm: 100 điểm.

4.2. Điểm đạt: từ 80 điểm trở lên.

- Thí sinh ký xác nhận vào biên bản thi thực hành lái xe trên đường.
- Giáo viên chấm thi ký xác nhận vào biên bản thi thực hành lái xe trên đường.

*Chú ý: Tại các phần thi nếu xảy ra lỗi do phương tiện, thiết bị thì thí sinh được thực hiện lại bài thi.*

### **E. QUY TRÌNH THI THỰC HÀNH BÀI TIẾN LÙI HÌNH CHỮ CHI**

#### 1. Đối với giáo viên chấm thi

- 1.1. Tiếp nhận hồ sơ thí sinh dự thi;
- 1.2. Gọi thí sinh; sắp xếp xe thi cho thí sinh; đối chiếu căn cước công dân hoặc căn cước hoặc hộ chiếu với thí sinh;
- 1.3. Ngồi cạnh thí sinh để thực hiện các công việc
  - a) Bảo hiểm tay lái cho thí sinh trong quá trình thực hiện bài thi;
  - b) Theo dõi tình trạng kỹ thuật của ô tô thi để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật;
  - c) Theo dõi quá trình thực hiện bài thi của thí sinh để ghi các lỗi vi phạm của thí sinh.

#### 2. Đối với người dự thi

- 2.1. Tiếp nhận xe thi được giao;
  - 2.2. Thực hiện bài thi theo hiệu lệnh của giáo viên chấm thi;
- #### 3. Trình tự và các bước thực hiện:
- 3.1. Thí sinh dừng xe trước vạch xuất phát, chờ hiệu lệnh của giáo viên chấm thi;
    - Khi có hiệu lệnh xuất phát, điều khiển xe tiến qua hình chữ chi cho đến khi bánh xe sau của xe qua vạch kết thúc của hình thi 01m thì dừng lại;
    - Lùi xe theo hướng ngược lại cho đến khi bánh xe trước của xe qua vạch bắt đầu của hình thi.

#### 4. Yêu cầu đạt được của thí sinh

- Đi đúng trình tự bài thi;
- Bánh xe không được đè lên vạch giới hạn hình thi;
- Xe không được chết máy trong quá trình thi;
- Hoàn thành bài thi trong thời gian 10 phút;
- Tốc độ xe chạy không quá 20 km/h.

\*) Các lỗi trong bài thi và điểm bị trừ như sau: (thang điểm 10)

STT	Các lỗi bị trừ điểm	Điểm trừ
1	Không thắt dây an toàn	0.5
2	Không nhả hết phanh tay khi khởi hành bị trừ	0.5
3	Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình thi mỗi lần bị trừ	0.5
4	Điều khiển xe bị rung giật mạnh, mỗi lần bị trừ	0.5
5	Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ	1
6	Thời gian thực hiện bài thi quá 10 phút, cứ quá 01 phút bị trừ	0,5

7	Đi không đúng trình tự bài thi	Truất quyền thi
8	Bánh xe đi ra ngoài vạch giới hạn hình thi	Truất quyền thi
9	Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn	Truất quyền thi
10	Không hoàn thành bài thi	Truất quyền thi
11	Không kéo phanh tay khi dừng xe	0,5

5. Công nhận kết quả:

5.1. Thang điểm: 10 điểm.

5.2. Điểm đạt: từ 05 điểm trở lên.

- Thí sinh ký xác nhận vào biên bản thi thực hành lái xe trên đường.
- Giáo viên chấm thi ký xác nhận vào biên bản thi thực hành lái xe trên đường.

*Chú ý: Tại các phân thi nếu xảy ra lỗi do phương tiện, thiết bị thì thí sinh được thực hiện lại bài thi.*

